

Số: 68 /2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra,
giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2007/QH12 và Luật số 27/2012/QH13; Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010; Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11/11/2011; Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17/6/2013;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25/11/2013; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tiếp công dân;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TTCP ngày 12/3/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định về hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-TTCP ngày 10/6/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

Xét đề nghị của Thanh tra tỉnh (sau khi thống nhất với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã) tại Tờ trình số 338/TT-VP ngày 21/8/2014; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 409/BC-STP ngày 07/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 06/2004/QĐ/UB-NC ngày 06/01/2004 của UBND tỉnh quy định về chế độ báo cáo kết quả các cuộc thanh tra, kiểm tra và giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra Chính phủ;
- Đ/c Bí thư, các Đ/c PBT Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy; VP Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh; VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đảng ủy: Khối CCQ tỉnh, Khối DN;
- Viện kiểm sát ND tỉnh, Tòa án ND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy;
- HĐND các huyện, TP, TX;
- Chánh VP, các Phó VP/UB;
- Các Phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁;
- Gửi:
- + Bản giấy: TP không nhận bản ĐT;
- + Bản điện tử: Các TP còn lại.

Xuân

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh

QUY ĐỊNH

**Chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng,
chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 68 /2014/QĐ-UBND

ngày 13 /10/2014 của UBND tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các loại báo cáo; nội dung, hình thức và trách nhiệm thực hiện báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; trách nhiệm phối hợp trong cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh *(viết tắt là các Sở, ngành)*.

2. UBND huyện, thành phố, thị xã *(viết tắt là UBND cấp huyện)*; UBND xã, phường, thị trấn *(viết tắt là UBND cấp xã)*.

3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh; Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế, Cục Thống kê, Cục Hải quan, Bảo hiểm Xã hội tỉnh; các hội, hiệp hội gồm: Liên minh HTX Hà Tĩnh, Liên hiệp các Hội KHKT Hà Tĩnh *(viết tắt là các cơ quan, đơn vị có liên quan)*.

Điều 3. Cơ quan tiếp nhận báo cáo, tham mưu chuẩn bị báo cáo

1. Thanh tra tỉnh là đầu mối tiếp nhận báo cáo của các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi đến UBND tỉnh; đồng thời có trách nhiệm giúp UBND tỉnh:

a) Tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất về công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng và xử lý sau thanh tra trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ hoặc các cơ quan khác ở Trung ương;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo 6 tháng, báo cáo năm về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; báo cáo năm về công tác phòng, chống tham nhũng trình các kỳ họp của HĐND tỉnh và các báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất khác về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

2. Thanh tra các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan là đầu mối giúp lãnh đạo Sở, cơ quan, đơn vị tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Sở.

3. Thanh tra cấp huyện là đầu mối giúp UBND cấp huyện tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo thẩm quyền; có trách nhiệm tiếp nhận, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng của UBND cấp xã trên địa bàn quản lý.

4. Các cơ quan, đơn vị không có tổ chức thanh tra thì Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ động phân công bộ phận trực thuộc tham mưu tổng hợp, xây dựng báo cáo.

Chương II

CÁC LOẠI BÁO CÁO; NỘI DUNG, HÌNH THỨC BÁO CÁO; THỜI KỲ LẤY SỐ LIỆU, THỜI HẠN GỬI VÀ QUẢN LÝ, SAO CHỤP BÁO CÁO

Điều 4. Các loại báo cáo

1. Báo cáo định kỳ, bao gồm: Báo cáo công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, báo cáo năm và báo cáo phòng chống tham nhũng quý, 6 tháng, 9 tháng, báo cáo năm. Các báo cáo quý II, III, IV không lập thành báo cáo riêng mà tổng hợp số liệu chung trong báo cáo 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm.

2. Báo cáo chuyên đề: Là báo cáo đánh giá kết quả hoạt động về một lĩnh vực, chuyên đề liên quan đến công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong một thời kỳ nhất định theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ, các cơ quan ở Trung ương; của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền (sau đây gọi tắt là các cơ quan có thẩm quyền) yêu cầu báo cáo.

3. Báo cáo đột xuất: Là báo cáo phản ánh, thông tin nhanh về vụ việc mới, bất thường liên quan đến công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý; hoặc khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu báo cáo về một nội dung, vụ việc cụ thể.

Trường hợp báo cáo đột xuất về vụ việc phức tạp mới phát sinh:

Các Sở, ngành; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm báo cáo về UBND tỉnh để được chỉ đạo, giải quyết; đồng thời gửi báo cáo cho Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý;

UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo về UBND cấp huyện để được chỉ đạo, giải quyết; đồng thời gửi báo cáo cho Thanh tra cấp huyện để phối hợp xử lý.

Điều 5. Nội dung báo cáo định kỳ

1. Báo cáo công tác thanh tra: Theo mẫu báo cáo số 01 và các biểu mẫu

thống kê số 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g, 1h, 1i ban hành kèm theo Quy định này.

2. Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Theo mẫu báo cáo số 02 và các biểu mẫu thống kê số 2a, 2b, 2c, 2d, 2đ, 2e ban hành kèm theo Quy định này.

3. Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng: Theo mẫu báo cáo số 03 và các biểu mẫu thống kê số 3a, 3b, 3c ban hành kèm theo Quy định này.

4. Nội dung, kết quả phòng, chống tham nhũng thông qua công tác điều tra, truy tố, xét xử về tham nhũng: Theo mẫu báo cáo số 04 và biểu mẫu thống kê số 4a, 4b, 4c ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 6. Thời kỳ lấy số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo

1. Thời kỳ lấy số liệu báo cáo định kỳ thực hiện như sau:

a) Báo cáo tháng: Tính từ ngày 16 tháng trước đến ngày 15 tháng báo cáo.

b) Báo cáo quý I: Tính từ ngày 16/12 năm trước đến ngày 15/3 của năm báo cáo; báo cáo quý II, III, IV: Tính từ ngày 16 tháng cuối quý trước đến ngày 15 tháng cuối quý báo cáo;

c) Báo cáo 6 tháng: Tính từ ngày 16/12 năm trước đến ngày 15/6 năm báo cáo;

d) Báo cáo 9 tháng: Tính từ ngày 16/12 năm trước đến ngày 15/9 năm báo cáo;

đ) Báo cáo năm: Tính từ ngày 16/12 năm trước đến ngày 15/12 năm báo cáo.

2. Thời hạn gửi báo cáo và cung cấp thông tin định kỳ được thực hiện như sau:

a) Các Sở, ngành; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi báo cáo về UBND tỉnh (*qua Thanh tra tỉnh*) chậm nhất là 10 giờ các ngày: 16 hàng tháng đối với báo cáo tháng, ngày 16/3 đối với báo cáo quý I, ngày 16/6 đối với báo cáo 6 tháng, ngày 16/9 đối với báo cáo 9 tháng, ngày 16/12 đối với báo cáo năm;

b) UBND cấp xã gửi báo cáo về UBND cấp huyện (*qua Thanh tra cấp huyện*), đảm bảo thời gian cho UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này. UBND cấp huyện có trách nhiệm đôn đốc UBND cấp xã gửi báo cáo để đảm bảo việc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo đúng thời gian quy định trên.

c) Trường hợp thời hạn gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định, các Sở, cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động gửi báo cáo vào ngày làm việc cuối cùng trước đó.

3. Thời kỳ lấy số liệu và thời hạn gửi báo cáo của báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất thực hiện theo quy định của cơ quan yêu cầu báo cáo.

Điều 7. Trách nhiệm báo cáo

1. Đối với các loại báo cáo theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ (Báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, đột xuất), Chánh Thanh tra tỉnh tổng hợp, tham mưu xây dựng báo cáo định kỳ của UBND tỉnh về kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn toàn tỉnh; gửi dự thảo báo cáo trình Chủ tịch UBND tỉnh (*qua Văn phòng UBND tỉnh*)

để thẩm định) chậm nhất là ngày 18 tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo định kỳ về kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tại đơn vị, địa phương theo nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 và thời hạn quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 6 Quy định này.

Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo kết quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tại địa phương theo nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 và thời hạn quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 6.

3. Ngân hàng Nhà nước, Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục Thống kê, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh gửi báo cáo về kết quả phòng, chống tham nhũng của đơn vị, ngành mình quản lý theo nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 5 và thời hạn quy định tại Điểm a, Điểm c, Khoản 2 Điều 6.

4. Công an tỉnh và đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh gửi báo cáo về kết quả phòng, chống tham nhũng thông qua công tác điều tra, truy tố, xét xử về tham nhũng trên địa bàn tỉnh theo nội dung quy định tại Khoản 4, Điều 5 và thời hạn quy định tại Điểm a, Điểm c, Khoản 2 Điều 6.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; các đoàn thể, tổ chức hội cấp tỉnh gửi báo cáo về kết quả công tác phòng, chống tham nhũng của đơn vị mình theo nội dung quy định tại Khoản 3, Điều 5 và thời hạn quy định tại Điểm a, Điểm c, Khoản 2 Điều 6.

Điều 8. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo

1. Báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng do người đứng đầu Sở, cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan ký và được ban hành theo quy định. Trường hợp cấp phó ký thay, người đứng đầu Sở, cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan vẫn phải chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả báo cáo của cơ quan, đơn vị.

2. Việc gửi báo cáo bằng bản giấy về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) được gửi qua bưu điện hoặc gửi trực tiếp; việc gửi báo cáo bằng dữ liệu điện tử phải sử dụng Hệ thống gửi, nhận văn bản điện tử (<http://guinhavb.hatinh.gov.vn>) do Văn phòng UBND tỉnh cấp. Các báo cáo mật được gửi theo quy định đối với tài liệu mật.

3. Gửi báo cáo bằng dữ liệu điện tử về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) theo hệ thống gửi nhận văn bản điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng thời qua Văn phòng điện tử (I-Office) của Thanh tra tỉnh.

Điều 9. Chế độ quản lý, sao chụp báo cáo

1. Việc quản lý và sử dụng báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ tài liệu lưu trữ nhà nước.

2. Thanh tra tỉnh, Thanh tra Sở, ngành, Thanh tra cấp huyện, Thanh tra các cơ quan, đơn vị có liên quan hoặc bộ phận được giao nhiệm vụ tiếp nhận, tổng hợp, tham mưu xây dựng báo cáo, xử lý các báo cáo gửi đến theo quy định về chế độ quản lý công văn, tài liệu. Việc sao chụp báo cáo chỉ được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan và người có thẩm quyền.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quy định về chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo Quy định này và các quy định của pháp luật.

2. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm:

a) Giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh theo Quy định này;

b) Hướng dẫn đề cương báo cáo chuyên đề, xây dựng hệ thống mẫu biểu báo cáo trên hệ cơ sở dữ liệu bảng tính Excel; quy định mã số tên đơn vị để thuận tiện cho việc tổng hợp số liệu báo cáo, đồng thời hướng dẫn các Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện; định kỳ tổng hợp kết quả việc chấp hành chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, đánh giá trách nhiệm người đứng đầu theo quy định;

c) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh hình thức xử lý đối với Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp huyện có 02 kỳ liên tiếp vi phạm quy định về chế độ thông tin, báo cáo; đồng thời duy trì mối quan hệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo Quy định này.

3. Thanh tra Sở, ngành, Thanh tra cấp huyện, Thanh tra các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tham mưu, giúp Giám đốc Sở, Thủ trưởng ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan:


a) Chuẩn bị các loại báo cáo liên quan đến công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng theo Quy định này;

b) Kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo Quy định này;

c) Tham mưu Giám đốc Sở, Thủ trưởng ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan hình thức phê bình Trưởng các phòng, ban, Chủ tịch UBND cấp xã có 02 kỳ liên tiếp vi phạm quy định về chế độ thông tin, báo cáo.

4. Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) để tổng hợp, hướng dẫn, giải quyết theo quy định hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐÀ KI, CHỦ TỊCH *Quang*
HỒNG LĨNH, CHỦ TỊCH *Hồng Linh*



Nguyễn Hồng Linh

Mẫu báo cáo số 01

Kèm theo Quyết định số 68/2014/QĐ-UBND ngày 3/10/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-..... , ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả công tác thanh tra tháng, quý... (6 tháng, 9 tháng, năm),
Nhiệm vụ, biện pháp tổ chức thực hiện kỳ tiếp theo

Khái quát tình hình kinh tế, xã hội và việc thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch của địa phương, đơn vị tác động trực tiếp đến việc thực hiện công tác thanh tra; tóm tắt chương trình, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA

1. Thanh tra hành chính

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc đang thực hiện (kỳ trước chuyển sang; triển khai trong kỳ báo cáo);
- Về hình thức (số cuộc: theo kế hoạch, thường xuyên và đột xuất);
- Về tiến độ (số cuộc: kết thúc thanh tra trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận).

b) Kết luận thanh tra:

- Phát hiện vi phạm:
 - + Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra;
 - + Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, thuộc lĩnh vực; số tiền, đất, tài sản được phát hiện có vi phạm;
- Kiến nghị xử lý vi phạm:
 - + Xử lý trách nhiệm về kinh tế, xử lý kỷ luật hành chính;
 - + Xử lý hình sự: chuyển cơ quan điều tra xử lý;
- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;
- Số tiền, tài sản thu hồi, xử lý trong quá trình thanh tra.

c) Kết quả kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý về thanh tra:

- Trong năm đã ban hành bao nhiêu quyết định xử lý, kết luận thanh tra.
- Số văn bản ban hành đôn đốc xử lý sau thanh tra
- Kết quả thực hiện các kiến nghị (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).
- + Thực hiện về xử lý hành chính:

Thông qua các cuộc thanh tra, đã kiến nghị xử lý về hành chính: số cán bộ công chức bị buộc thôi việc, cảnh cáo, khiển trách, điều chuyển...

+ Về xử lý kinh tế:

Số kiến nghị thu hồi, đã thu hồi, đạt tỷ lệ

Số cắt giảm, thời gian thực hiện, đúng (hoặc chậm) so với thời hạn yêu cầu.

+ Về xử lý khác:

Thu hồi được bao nhiêu m² đất

- Đánh giá kết quả tổng hợp xử lý sau thanh tra

d) Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực:

- Quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng;

- Quản lý, sử dụng đất;

- Quản lý và sử dụng tài chính - ngân sách;

- Lĩnh vực khác (nếu có).

Đối với từng lĩnh vực trên phải nêu rõ: số cuộc thanh tra, số đơn vị được thanh tra, nội dung thanh tra chủ yếu, số đơn vị có vi phạm và các vi phạm điển hình, kiến nghị xử lý (kinh tế, hành chính, hình sự); kết quả xử lý thông qua kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra (kinh tế, hành chính, chuyển cơ quan điều tra xử lý).

- Kết quả thanh tra lại (nếu có);

- Kết quả thanh tra chuyên đề (nếu có): nêu tóm tắt kết quả tổ chức, thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên.

2. Thanh tra chuyên ngành⁽¹⁾

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc đang thực hiện (số cuộc có thành lập đoàn, số cuộc thanh tra độc lập);

- Số đối tượng được thanh tra (cá nhân, tổ chức);

- Những lĩnh vực thanh tra chủ yếu.

b) Kết quả thanh tra:

- Số cá nhân, tổ chức vi phạm;

- Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra;

- Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành; tổng số tiền vi phạm; số tiền xử lý tài sản vi phạm; số tiền kiến nghị thu hồi; số tiền xử phạt vi phạm, số giấy phép thu hồi, bãi bỏ.....

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thu hồi.

3. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra⁽²⁾

¹ UBND cấp huyện không phải báo cáo nội dung này

² Dùng cho Thanh tra tỉnh; các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố không phải báo cáo nội dung này

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm;

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị đã kết thúc; đã ban hành kết luận.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra;

- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra;

- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

4. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác thanh tra

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác thanh tra mới được ban hành;

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác thanh tra được sửa đổi, bổ sung;

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra được tổ chức; tổng số người tham gia.

II. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT

1. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra (về mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, thanh tra trách nhiệm; về thanh tra đột xuất, thanh tra lại; về đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan).

2. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra:

- Việc rà soát, chỉnh sửa, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra;

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra;

- Về thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra;

- Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, nhân viên thanh tra; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra (nếu có);

3. Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra;

4. Nguyên nhân của những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm (chủ quan, khách quan) và kinh nghiệm rút ra qua tổ chức, chỉ đạo và thực hiện công tác thanh

tra.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC THANH TRA TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác thanh tra sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về công tác thanh tra (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);
 - Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra (nếu có vướng mắc);
 - Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác thanh tra;
 - Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.
-

Mẫu báo cáo số 02

Kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày / /2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-..... , ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo tháng ..., quý... (6 tháng, 9 tháng, năm) ..., nhiệm vụ, biện pháp tổ chức thực hiện kỳ tiếp theo⁽³⁾

Khái quát chung về tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn (tăng, giảm) và chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền về công tác tiếp dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

1. Công tác tiếp công dân

a) Kết quả tiếp công dân thường xuyên (của bộ phận tiếp công dân, của cơ quan thanh tra), tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, của thủ trưởng cơ quan, đơn vị: Số lượt, người; số vụ việc (cũ, mới phát sinh); số đoàn đông người (báo cáo cụ thể các đoàn đông người có tính chất phức tạp);

b) Nội dung tiếp công dân (số vụ việc khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh và nội dung khiếu nại, tố cáo ở các lĩnh vực: hành chính; tư pháp; chính trị, văn hoá, xã hội; tố cáo tham nhũng).

c) Kết quả phân loại, xử lý qua tiếp công dân (số vụ việc chưa được giải quyết, đã được giải quyết).

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư

a) Tiếp nhận (Tổng số đơn, trong đó: số đơn tiếp nhận trong kỳ, đơn chưa được xử lý kỳ trước chuyển sang);

b) Phân loại đơn (Theo loại đơn: khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh. Theo nội dung: lĩnh vực hành chính; tư pháp; chính trị, văn hoá, xã hội, tố cáo tham nhũng. Theo thẩm quyền: đơn thuộc thẩm quyền, đơn không thuộc thẩm quyền. Theo trình tự giải quyết: chưa được giải quyết; đã được giải quyết lần đầu; đã được giải quyết nhiều lần).

c) Kết quả xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nhận được: (số đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền; số lượng văn bản đôn đốc việc giải quyết; số đơn trả lại và hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền; số đơn thuộc thẩm quyền; số đơn lưu do đơn trùng lặp, đơn không rõ địa chỉ, không ký

³ UBND cấp huyện phải báo cáo về tình hình, kết quả công tác tiếp dân, giải quyết KNTC trên toàn địa bàn, trong đó nêu rõ tình hình, kết quả giải quyết của cấp huyện, cấp xã

tên, đơn mạo danh, nặc danh....).

3. Kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền

a) Giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền:

- Tổng số: đơn khiếu nại; vụ việc thuộc thẩm quyền; số vụ việc đã giải quyết (thông qua giải thích, thuyết phục; giải quyết bằng quyết định hành chính); số vụ việc giải quyết lần 1, lần 2.

- Kết quả giải quyết: số vụ việc khiếu nại đúng, số vụ việc khiếu nại sai, số vụ việc khiếu nại đúng một phần; tổng số tiền, đất (tài sản) kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết khiếu nại (kiến nghị xử lý hành chính, kiến nghị chuyển cơ quan điều tra xử lý); chấp hành thời hạn giải quyết theo quy định;

- Việc thi hành kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (tổng số quyết định giải quyết khiếu nại phải tổ chức thực hiện; số quyết định đã thực hiện xong).

- Kết quả thực hiện kết luận, quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).

b) Giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền:

- Tổng số: đơn tố cáo; vụ việc thuộc thẩm quyền; số vụ việc đã giải quyết;

- Kết quả giải quyết: số vụ việc tố cáo đúng, số vụ việc tố cáo sai, số vụ việc tố cáo đúng một phần; tổng số tiền, đất, tài sản kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết tố cáo (hành chính, chuyển cơ quan điều tra xử lý); việc chấp hành thời gian giải quyết theo quy định;

- Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo (tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện; số quyết định đã thực hiện xong);

- Kết quả thực hiện quyết định xử lý tố cáo (về kinh tế, hành chính và chuyển cơ quan điều tra xử lý).

4. Giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền:

- Tổng số đơn kiến nghị, phản ánh; vụ việc thuộc thẩm quyền; số vụ việc đã giải quyết;

- Kết quả giải quyết: tổng số tiền, đất, tài sản đã kiến nghị thu hồi về cho Nhà nước và trả lại cho công dân; phát hiện và kiến nghị xử lý vi phạm qua giải quyết kiến nghị, phản ánh nếu có (hành chính, chuyển cơ quan điều tra xử lý);

- Việc tổ chức thực hiện (tổng số vụ việc phải tổ chức thực hiện; số vụ việc đã thực hiện xong);

- Kết quả thực hiện (về kinh tế, hành chính; chuyển cơ quan điều tra xử lý).

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo⁽⁴⁾

⁴ Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh không phải báo cáo nội dung này

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm;

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại đơn vị đã kết thúc; đã ban hành kết luận.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra;

- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra;

- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

6. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo mới được ban hành;

- Tổng số văn bản (hướng dẫn, chỉ đạo) về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo được sửa đổi, bổ sung;

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo được tổ chức; tổng số người tham gia.

II. ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Đánh giá

a) Nguyên nhân dẫn đến tình trạng khiếu nại, tố cáo.

b) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

c) Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Việc rà soát, chỉnh sửa, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo; việc ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện;

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức và nhân dân thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

c) Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nội dung khác có liên quan.

d) Nguyên nhân những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm và kinh nghiệm rút ra qua tổ chức, chỉ đạo và thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Dự báo

Tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân trong kỳ tiếp theo (diễn biến; mức độ phức tạp; khiếu kiện đông người, vượt cấp...).

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất.

Mẫu báo cáo số 03

Kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày / /2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng quý... (6 tháng, 9 tháng, năm)...., nhiệm vụ, biện pháp tổ chức thực hiện kỳ tiếp theo

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của địa phương, đơn vị

a) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng;

c) Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách).

d) Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn;

c) Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng;

d) Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức;

đ) Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng;

e) Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập;

f) Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình

quản lý, phụ trách;

g) Việc thực hiện cải cách hành chính;

h) Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

i) Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản;

k) Các nội dung khác đã thực hiện nhằm phòng ngừa tham nhũng (nếu có).

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, đơn vị;

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra;

c) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo;

d) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của địa phương, đơn vị;

đ) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra trách nhiệm;

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra tại đơn vị; đã ban hành kết luận.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra;

- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra;

- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

5. Phát huy vai trò của xã hội về phòng, chống tham nhũng

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

b) Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

6. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng

a) Công tác chỉ đạo, triển khai, cụ thể hoá, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện;

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong chiến lược quốc gia và kế hoạch thực thi Công ước;

c) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể mà Ủy ban nhân dân tỉnh, địa phương, đơn vị đã đề ra trong kế hoạch nhằm thực thi Chiến lược, Công ước.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của địa phương, đơn vị và nguyên nhân;

b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, đơn vị;

b) So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước;

c) Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng;

d) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại địa phương, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*).

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng đã đề ra.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh

phòng, chống tham nhũng, khắc phục những khó khăn, vướng mắc;
- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./

7

(Số vụ việc/số bị can); Số vụ việc còn tồn chuyển kỳ sau (Số vụ việc/số bị can).

2.2. Đối với hoạt động kiểm sát của cơ quan Kiểm sát⁽⁸⁾

- Tổng số vụ án phải thụ lý: Số vụ việc/số bị can (Trong đó: tồn kỳ trước chuyển sang, tiếp nhận mới trong kỳ)

- Kết quả xử lý: Số vụ việc đã truy tố (Số vụ việc/số bị can); Số vụ việc đình chỉ, chuyển lại cơ quan điều tra (Số vụ việc/số bị can); Số vụ việc còn tồn chuyển kỳ sau (Số vụ việc/số bị can).

2.3. Đối với hoạt động xét xử của cơ quan Toà án⁽⁹⁾

- Tổng số vụ án phải xét xử: Số vụ việc/số bị can (Trong đó: tồn kỳ trước chuyển sang, tiếp nhận mới trong kỳ)

- Số vụ án đã xét xử (Số vụ việc/số bị can), trong đó:

+ Số đối tượng phạm tội tham những ít nghiêm trọng (bị phạt tù đến 3 năm);

+ Số đối tượng phạm tội tham những nghiêm trọng (bị phạt tù từ trên 3 năm đến 7 năm);

+ Số đối tượng phạm tội tham những rất nghiêm trọng (bị phạt tù từ trên 7 năm đến 15 năm);

+ Số đối tượng phạm tội tham những đặc biệt nghiêm trọng (bị phạt tù từ trên 15 năm);

- Số vụ án còn tồn chuyển kỳ sau (Số vụ việc/số bị can)

3. Kết quả phát hiện và thu hồi tài sản tham nhũng⁽¹⁰⁾

- Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được phát hiện:

+ Bảng tiền mặt

+ ngoại tệ, tài sản quy ra tiền mặt (triệu đồng)

+ Bảng đất (m²)

- Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã thu hồi, bồi thường:

+ Bảng tiền mặt + ngoại tệ, tài sản quy ra tiền mặt (triệu đồng)

+ Bảng đất (m²)

- Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được:

+ Bảng tiền mặt + ngoại tệ, tài sản quy ra tiền mặt (triệu đồng)

+ Bảng đất (m²)

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG

⁸ Chi tiết theo cấp tỉnh, cấp huyện; chi tiết theo từng hoạt động: tiếp nhận thông tin, tin báo tố giác tội phạm liên quan đến tham nhũng; kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ việc tham nhũng,...

⁹ Chi tiết theo cấp tỉnh, cấp huyện

¹⁰ Áp dụng đối với báo cáo 6 tháng, báo cáo năm

THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH⁽¹¹⁾

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

- a) Đánh giá tình hình tham nhũng trên địa bàn và nguyên nhân;
- b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử

- a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng;
- b) So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.
- c) Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng;
- d) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng;
 - Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại địa phương, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng;
 - Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

- a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*);
- b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ (HOẶC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM) CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG KỲ TIẾP THEO

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng đã đề ra.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);
- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu có vướng mắc);
- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, khắc phục những khó khăn, vướng mắc.
- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.

¹¹ Áp dụng đối với báo cáo 6 tháng, báo cáo năm

TỔNG HỢP THANH TRA TRONG LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH

(Số liệu tính từ ngày/...../.....đến.....ngày...../...../.....)

Kỳ báo cáo	Số cuộc thanh tra						Số đơn vị có phạm	Số đơn vị được thanh tra	Kiến nghị thu hồi			Kiến nghị khác			Kiến nghị xử lý			Đa thu	Kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra						Ghi chú					
	Đang thực hiện		Hình thức		Tiến độ				Tiền (m2)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Chuyên cơ quan điều tra		Đã xử lý hành chính	Đã khởi tố		Kết quả kiểm tra, đơn đốc		Đã khởi tố									
	Kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ báo cáo	Theo Kế hoạch	Đột xuất	Kết thúc thanh tra trực tiếp	Đã ban hành kết luận								Tổ chức nhân	Vụ				Đã thu	Tổ chức nhân		Đã thu	Đã thu	Đã thu		Đã thu	Đã thu	Đã thu	Đã thu	
																														Tổng số
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Tháng																														
...																														
Quý																														
...																														
6 tháng																														
Quý																														
...																														
9 tháng																														
Tổng																														

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (10) = (12) + (14)
- Cột (11) = (13) + (15)
- Điều này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN
- Cột 20, 21 là Tổng kết quá thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, đơn đốc xử lý sau thanh tra

SỞ, NGÀNH (UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ).....

Biểu số 1c

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH

(Số liệu tính từ ngày...../...../.....đến.....ngày...../...../.....)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Kỳ báo cáo	Số cuộc thanh tra						Số đơn vị được thanh tra	Số đơn vị phạm	Số tiền kiến nghị thu hồi	Số kiến nghị khác (tiền)	Kiến nghị xử lý				Số tiền đã thu	Kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra				Ghi chú					
	Đang thực hiện			Hình thức							Tiến độ		Hành chính	Chuyên cơ quan điều tra		Số tiền đã thu	Tổng số KL, TT và QB xử lý đã kiểm tra, đơn đốc	Tiền			Kết quả kiểm tra, đơn đốc				
	Kỳ trước chuyển sang báo cáo	Triển khai	Theo Kế hoạch	Đột xuất	Đã ban hành	Kết thúc thanh tra trực tiếp					Đã xử lý hành chính	Đã khởi tố						Phải thu	Đổi tượng		Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đổi tượng	
																									Đã khởi tố
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
Tháng.....																									
Quý.....																									
6 tháng																									
Quý.....																									
9 tháng																									
.....																									
Tổng																									

...., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:
 - Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
 - Cột (10) = (11) + (12)
 - Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN
 - Cột 17 là Tổng kết quá thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, đơn đốc xử lý sau thanh tra

SỞ, NGÀNH (UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ),.....

Biểu số 1d

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
(Số liệu tính từ ngày...../...../.....đến.....ngày...../...../.....)

Kỳ báo cáo	Số cuộc thanh tra						Số đơn vị được thanh tra	Số vi phạm	Các dạng vi phạm về đất (m ²)										Kiến nghị thu hồi	Kiến nghị khác	Kiến nghị xử lý			Đã thu	Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra										Chị chú									
	Đang thực hiện	Hình thức	Tiến độ	Số đơn vị	Tổng vi phạm (Trđ)	Đất Đai (m ²)			Đất lấn chiếm	Giáo dục, cấp đất sai quy định	Cấp GCN sai (thứ tự)	Chuyển cho không đúng quy định	Sử dụng đất không đúng mục đích, sai quy định	Bỏ hoang	Vi phạm (Trđ)	Tiền Đai (m ²)	QB giao đất (số QB)	Tiền Đai (m ²)			Hành chính	Chuyên môn	Đổi hương		Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	QB giao đất (số QB)	Tổng số KLT và QB xử lý đã kiểm tra, đôn đốc	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Đã xử lý hành chính	Đã khởi tố												
Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41			
Quý ...																																												
6 tháng																																												
Quý ...																																												
9 tháng																																												
...																																												
Tổng																																												

... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

- Lưu ý:**
- Cột (1) = (2) + (3) = (4) + (5)
 - Cột (11) = (12) + (13) + (14) + (15) + (16) + (17) + (18) + (19)
 - Biểu này không bao gồm kết quả thanh tra chuyên ngành và kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN
 - Cột 29, 30, 31 là Tổng kết quá thu hồi trong quá trình thanh tra hoặc ngay sau khi có kết luận thanh tra và kết quả kiểm tra, đôn đốc xử lý sau thanh tra

SỞ, NGÀNH (UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ).....

Biểu số 1đ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA LẠI
(Số liệu tính từ ngày.../.../...đến...ngày.../.../...)

Kỳ báo cáo	Số cuộc thanh tra lại					Cơ sở thanh tra lại (số cuộc)										Số đơn vị đã thanh tra lại	Số phạm vi có vi phạm qua thanh tra lại	Vi phạm về kinh tế phát hiện qua thanh tra lại				Kiến nghị thu hồi		Kiến nghị khác		Kiến nghị xử lý			Kết quả thực hiện				Ghi chú
	Đang thực hiện	Triển khai	Kết thúc	Đã ban hành kết luận	Vi phạm trình tự, thủ tục dẫn đến sai lệch nghiêm trọng KL	Nội dung kết luận không phù hợp	Sai lầm trong áp dụng PL khi KL	Có ý kiến sai lệch hồ sơ hoặc có ý kiến trái pháp luật	Vi phạm nghiêm trọng chưa được phát hiện đầy đủ	Số phạm vi đã thanh tra lại	phạm vi phát hiện qua thanh tra lại	Tiền (Tđ)	Đất (m2)	Tiền (Tđ)	Đất (m2)			Tiền (Tđ)	Đất (m2)	Hành chính	Chuyên cơ	Tiền đã thu (Tđ)	Đất đã thu (m2)	Đã xử lý hành chính	Đã khởi tố								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29					
Tháng																																	
Quý																																	
6 tháng																																	
Quý 9																																	
tháng																																	
...																																	
Tổng																																	

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

- Lưu ý
- Cột (1) = (2) + (3) + (6) + (7) + (8) + (9) + (10)
 - Cột (13) = (15) + (17)
 - Cột (14) = (16) + (18)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH
(Số liệu tính từ ngày.../.../...đến...ngày.../.../...)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Kỳ báo cáo	Số cuộc thanh tra, kiểm tra		Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra				Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra				Số cơ vi phạm		Số QĐ xử phạt hành chính được ban hành		Số tiền vi phạm		Số tiền kiến nghị thu hồi	Số tiền xử lý tài sản vi phạm		Số tiền xử phạt	Số tiền đã thu		Ghi chú				
	Tổng số	Thành lập đoàn	Thanh tra độc lập	Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	Tổng số	Tách thu (thành tiền)	Tiền hủy (thành tiền)	Tổng số	Cá nhân	Tổ chức		Tổng số	Cá nhân	Tổ chức	
Tháng	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16	17	18=19+20	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27
Quý ...																											
6 tháng																											
Quý ...																											
9 tháng																											
...																											
Tổng																											

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Cột (21) là giá trị tài sản tịch thu sau khi đã xử lý nộp về ngân sách
- Cột (24), (25), (26) là số tiền đã thu từ Kết quả kiến nghị thu hồi từ Cột 17 + Số tiền tài sản vi phạm đã xử lý từ Cột 18 + Số tiền xử phạt vi phạm đã thu từ Cột 21

SỞ, NGÀNH (UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ).....

Biểu số 1g

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA
(Số liệu tính từ ngày.../.../...đến...ngày.../.../...)

Kỳ báo cáo	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra		Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân				Pháp luật về thanh tra, KNTC, PCTN				Thực hiện pháp luật về thanh tra		Thực hiện pháp luật về thanh tra, KNTC, PCTN		Số đơn vị phạm		Kiến nghị xử lý				Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm, quyết định xử lý		Ghi chú
	Số văn bản ban hành mới sửa đổi, bổ sung	Số văn bản	Lớp	Người	Lớp	Người	Số cuộc	Số đơn vị	Số cuộc	Số đơn vị	Số đơn vị phạm	Kiến nghị xử lý		Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân		
												Tổ chức	Cá nhân										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
Tháng																							
Quý ...																							
6 tháng																							
Quý ...																							
9 tháng																							
...																							
Tổng																							

... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ấy tên, đóng dấu)

- Đối với việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và thanh tra trách nhiệm về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng nếu thực hiện ghép 2, hoặc 3 nội dung (thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng) thì chỉ thông kê 01 lần ở cột (5), (6), (đối với tập huấn, tuyên truyền, phổ biến) và ở cột (9) và (10), (đối với thanh tra, kiểm tra trách nhiệm), sau đó giải thích ở phần ghi chú.

SỞ, NGÀNH (UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ).....

Biểu số 1h

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHƯNG PHÁT HIỆN QUA CÔNG TÁC CỦA NGÀNH THANH TRA

(Số liệu tính từ ngày.../.../...đến... ngày.../.../...)

Kỳ báo cáo	Số vụ	Số người	Tài sản tham nhũng			Kiến nghị thu hồi			Đã thu			Kiến nghị xử lý				Kết quả xử lý			Xử lý trách nhiệm người đứng đầu		Ghi chú				
			Tổng tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ)	Đất m ²	Tổng tiền (Trđ)	Tiền (Trđ)	Tài sản khác (quy đổi ra tiền Trđ)	Đất (m ²)	Hành chính	Chuyển cơ quan điều tra	Đã xử lý hành chính	Đã khởi tố	Đã xử lý hành chính	Đã khởi tố	Kiến nghị	Đã xử lý								
1	2	3-4+5	4	5	6	7-8+9	8	9	10	11-12+13	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
Tháng																									
Quý ...																									
6 tháng																									
Quý ...																									
9 tháng																									
...																									
Tổng																									

Lưu ý:

- Cột "đơn vị phát hiện" ghi cụ thể tên đơn vị phát hiện tham nhũng
- Nếu cột 23 có nội dung trong cột 16, 18; cột 24 có nội dung trong cột 20, 22 thì cần ghi chú và giải thích.

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

- Tổng số vụ việc phát sinh trong kỳ = Số liệu các cột 3+4+11+12 = Tổng số liệu các cột từ 17 đến 26 = Tổng số liệu các cột từ 27 đến 30
- Số vụ việc khiêu nại = Tổng số liệu các cột từ 17 đến 22
- Số vụ việc tố cáo = Tổng số liệu các cột từ 23 đến 25
- Các huyện, TP: số hiệu báo cáo phải tách riêng theo cấp huyện, cấp xã

SỞ, NGÀNH (UBND HUYỆN, TX, TP),....
 HOẶC UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN,...

TỜNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỜ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

(Số liệu tính từ ngày:...../...../.....đến.....ngày...../...../.....)

Biểu số 2b

Kỳ báo cáo	Tiếp nhận						Phân loại đơn (số đơn đủ điều kiện xử lý)																			Kết quả xử lý đơn																	
	Đơn tiếp nhận trong kỳ		Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn đủ điều kiện xử lý		Theo nội dung						Tổ cáo						Theo thẩm quyền giải quyết		Theo trình tự giải quyết		Đơn khác (đơn lập, nặc danh, không rõ nơi gửi, địa chỉ)	Số đơn chuyển n cơ quan thẩm quyền		Số công văn đôn đốc việc giải quyết		Đơn thuộc thẩm quyền		Chi chú													
	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên			Khiếu nại			Lịch về Đảng			Tổng			Linh vực hành chính			Linh vực tư pháp			Linh vực khác			Đơn kiến nghị, phản ánh		Của cơ quan hành chính cấp		Của cơ quan tư pháp cấp		Chưa được giải quyết		Đã được giải quyết lần đầu		Đã được giải quyết nhiều lần		Số vật chuyển n cơ quan thẩm quyền		Số công văn đôn đốc việc giải quyết		Đơn khiếu nại cáo		Đơn kiến nghị, phản ánh
	1-2/3/4-5	2	3	4	5	6	7-8/9/10-11	8	9	10	11	12	13	14-15/16-17-18/19	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34									
Cấp...																																											
Tháng...																																											
Quý...																																											
6 tháng																																											
Quý...																																											
6 tháng																																											
Quý...																																											
Tổng																																											

Lưu ý:

- Đơn kỳ trước chuyển sang: Là đơn tiếp nhận ở kỳ trước chưa xử lý xong chuyển sang
- Cột (1) = cột (6) + cột (27)
- Cột (6) = cột (7) + cột (14) + cột (20) = Tổng số đơn từ cột (21) đến cột (23) = Tổng số đơn từ cột (24) đến cột (26) = Tổng số đơn từ cột (28) đến cột (33)
- Cột (31) = số liệu cột (2) Biểu 2c
- Cột (32) = số liệu cột (2) Biểu 2d
- Cột (33) = số liệu cột (2) Biểu 2d
- Các huyện, TP... số liệu báo cáo phải tách riêng theo cấp huyện, cấp xã

..... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2c

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI
(Số liệu tính từ ngày.../.../...đến...ngày.../.../...)

Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền	Trong đó		Kết quả giải quyết														Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định		Việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại							Ghi chú											
	Đơn khiếu nại	Đơn tố giác	Tổng số vụ việc	Số vụ việc đã giải quyết	Số vụ việc đang chờ xử lý	Phân tích kết quả (vụ việc)	Giải quyết lần 1	Giải quyết lần 2	Kiểm nghị thu hồi cho Nhà nước	Trả lại cho công dân	Số người được trả lại quyền lợi	Kiểm nghị xử lý hành chính	Chuyển cơ quan điều tra, khởi tố	Kết quả	Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn	Số vụ việc chưa giải quyết đúng thời hạn	Tổng số chức phải thực hiện	Phải thu nước	Đã thu	Phải trả	Đã trả																
Kỳ báo cáo	Tổng số đơn khiếu nại	Đơn tố giác	Tổng số vụ việc	Số vụ việc đã giải quyết	Số vụ việc đang chờ xử lý	Phân tích kết quả (vụ việc)	Giải quyết lần 1	Giải quyết lần 2	Kiểm nghị thu hồi cho Nhà nước	Trả lại cho công dân	Số người được trả lại quyền lợi	Kiểm nghị xử lý hành chính	Chuyển cơ quan điều tra, khởi tố	Kết quả	Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn	Số vụ việc chưa giải quyết đúng thời hạn	Tổng số chức phải thực hiện	Phải thu nước	Đã thu	Phải trả	Đã trả																
1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38
Cấp...																																					
Tháng																																					
Quý...																																					
6 tháng																																					
Quý...																																					
Tổng																																					

- Lưu ý:**
- Số liệu cột 2 = số liệu cột 31 biểu số 2b
 - Kết quả giải quyết khiếu nại tính theo số vụ việc (Số vụ việc đã giải quyết xong/số vụ việc phải giải quyết trong kỳ)
 - Cột 6 = cột 7 + cột 8 = Tổng cột 9 đến cột 11 = Tổng cột 12 đến cột 14 = Tổng cột 26 đến cột 27
 - Cột 28 = Số quyết định phải thực hiện mới ban hành trong kỳ + Số quyết định phải thực hiện còn tồn kỳ trước chuyển sang
 - Các huyện, TP: số liệu báo cáo phải riêng theo cấp huyện, cấp xã

... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

SỞ, NGÀNH (UBND HUYỆN, TX, TP),
HỒ TÊN, QUẬN, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Biểu số 24

TỜNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN TỐ CÁO
(Số liệu tính từ ngày.../.../... đến... ngày.../.../...)

Kỳ báo cáo	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Kết quả giải quyết										Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo																					
	Tổng đơn tố cáo	Trong đó Đơn tồn tại trong kỳ báo cáo	Đơn tồn tại trong kỳ nước sang	Đã giải quyết	Phản tích kết quả (vụ việc)	Kiểm nghị thu hồi cho Nhà nước	Trả lại cho công dân	Số người được bảo vệ quyền lợi	Kiểm nghị xử lý hành chính	Chuyển cơ quan điều tra, khởi tố	Chấp hành quyết theo quy định	Tổng số quyết định phải thi hành trong kỳ báo cáo	Đã thực hiện xong	Phải thu	Đã thu	Phải trả	Đã trả	Chỉ chú																	
1-2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33			
Cấp...																																			
Thị trấn																																			
Quận																																			
6 tháng																																			
Quý																																			
Cấp...																																			
Quận																																			
6 tháng																																			
Quý																																			
Tổng																																			

- Lưu ý:**
- Số liệu cột 2 = số liệu cột 32 biểu số 2b
 - Kết quả giải quyết tố cáo tính theo số vụ việc (Số vụ việc đã giải quyết xong/số vụ việc phải giải quyết trong kỳ)
 - Cột 6 = Tổng cột 7 đến cột 22
 - Cột 23 = Số quyết định, kết luận phải thực hiện mới ban hành trong kỳ + Số quyết định, kết luận phải thực hiện còn tồn tại trước chuyển sang
 - Các huyện, TP: số liệu báo cáo phải tách riêng theo cấp huyện, cấp xã

... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, ĐỀ NGHỊ
 (Số liệu tính từ ngày.../.../...đến...ngày.../.../...)

Kỳ báo cáo	Đơn thuộc thẩm quyền				Đã giải quyết		Ghi chú
	Tổng số đơn	Trong đó			Số đơn thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	
		Đơn nhận trong kỳ báo cáo	Đơn tồn kỳ trước chuyển sang	Tổng số vụ việc			
	1=2+3	2	3	4	5	6	7
Cấp ...							
Tháng ...							
Quý ...							
6 tháng							
Quý ...							
....							
Cấp							
Quý ...							
Quý ...							
6 tháng							
Quý ...							
....							
Cộng							

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (kỳ tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Số liệu cột (2) = số liệu cột (33) biểu số 2b
- Các huyện, TP: số liệu báo cáo phải tách riêng theo cấp huyện, cấp xã

UBND HUYỆN, TX, TP (HOẶC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN)...

Biểu số 2e

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHIẾU NẠI TỐ CÁO

(Số liệu tính từ ngày.../.../...đến...ngày.../.../...)

Kỳ báo cáo	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (của cấp tỉnh, cấp huyện) về công tác KNTC		Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về KNTC cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm							Kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra trách nhiệm, quyết định xử lý				Ghi chú
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Thực hiện pháp luật về KNTC		Số đơn vi có vi phạm		Kiến nghị xử lý		Tổng số KLTJ và QĐ xử lý đã kiểm tra		Kết quả kiểm tra		Đã xử lý hành chính			
	1	2	Số lượt về KNTC	Số cuộc	Số đơn vi	Kiểm điểm, rút kinh nghiệm	Hành chính	Tổng số KLTJ và QĐ xử lý đã kiểm tra	Đã kiểm tra, rút kinh nghiệm	Đã xử lý hành chính						
Tháng																
Quý...																
6 tháng																
Quý...																
...																
Tổng																

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....

Biểu số 3a

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Số liệu tính từ ngày.../.../...đến...ngày.../.../...)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	QUÝ...	6 THÁNG (9 THÁNG, NĂM)
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT			
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản		
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản		
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN			
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp		
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu		
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG			
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>			
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV		
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>			
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản		
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản		
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc		
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ		
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người		
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người		
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người		
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng		
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng		
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người		
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng		
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>			
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV		

20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người		
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người		
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>			
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người		
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người		
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>			
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người		
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người		
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người		
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>			
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV		
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%		
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG			
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>			
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ		
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người		
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>			
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ		
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người		
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>			
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn		
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn		
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ		
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người		
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>			
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ		
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người		
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG			

39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>)	Vụ		
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i>)	Người		
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người		
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người		
43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người		
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người		
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ		
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người		
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ		
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người		
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.			
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
50	+ Đất đai	m ²		
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường			
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
52	+ Đất đai	m ²		
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được			
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng		
54	+ Đất đai	m ²		
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng			
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người		
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người		
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ			
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương			
	+ Tặng Giấy khen			

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.
- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTN của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn.
- không sửa đổi nội dung các tiêu chí báo cáo trong biểu mẫu

Biểu số 4a

(Kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày / /2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
(Dùng cho cơ quan Công an)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /BC -

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG

Quý..... (6 tháng, 9 tháng, năm)
(Kèm theo Báo cáo số /BC... ngày / / của ...)

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

TT	NỘI DUNG THÔNG TIN	ĐƠN VỊ TÍNH	TỘI DANH/ĐIỀU LƯẬT CỦA BLHS					
			Tham ô tài sản (Điều 278)	Nhận hối lộ (Điều 279)	Lạm dụng chức vụ... chiếm đoạt (Điều 280)	Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành... (Điều 281)	Lạm dụng chức vụ trong khi thi hành... (Điều 282)	Lạm dụng chức vụ gây ảnh hưởng... (Điều 283)
I KHỞI TỎ ĐIỀU TRA								
1	Kỳ trước chuyển sang	Vụ						
	Số bị can	Bị can						
2	Mới khởi tố	Vụ						
	Số bị can	Bị can						
II PHẦN TÍCH BỊ CAN MỚI KHỞI TỎ								
1	Cán bộ, công chức, viên chức cấp xã	Người						
2	Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện	Người						

3	Cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh	Người								
4	Cán bộ, công chức, viên chức cấp TW	Người								
5	Sỹ quan cấp tướng trong Công an nhân dân	Người								
6	Sỹ quan cấp tá trong Công an nhân dân	Người								
7	Sỹ quan cấp úy trong Công an nhân dân	Người								
8	Hạ sỹ quan, chiến sỹ trong CAND	Người								
9	Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong DNNN, đại diện vốn góp của nhà nước	Người								
10	Đối tượng khác	Người								
III ĐỊNH CHỈ ĐIỀU TRA										
1	Số vụ	Vụ								
2	Số bị can	Bị can								
IV CHUYÊN TRUY TỐ										
1	Số vụ	Vụ								
2	Số bị can	Bị can								
V TẠI SAN BỊ THAM NHỮNG VÀ GÂY THIẾT HẠI DO THAM NHỮNG										
1	Nhà	m ²								
2	Đất	m ²								
3	Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền	Tr. đồng								

VI GIÁ TRỊ TÀI SẢN DO CƠ QUAN ĐIỀU TRA ĐÁ THI HỎI, TẠM GIỮ, PHÒNG TOÀN										
1	Nhà	m ²								
2	Đất	m ²								
3	Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền	Tr.đồng								
VII KẾT LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU										
1	Số người đứng đầu đã bị kết luận thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người								
2	Số người đứng đầu bị khởi tố do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người								

II. DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

TT	TÊN VỤ	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ XÂY RA VỤ VIỆC	CƠ QUAN ĐANG THỦ LÝ HỒ SƠ VỤ VIỆC	TÓM TẮT VỀ HÀNH VI, ĐỐI TƯỢNG THAM NHŨNG, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI VÀ TIỀN ĐỘ XỬ LÝ
1.				
2.				
...				

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(*ký tên, đóng dấu*)

Biểu số 4b
 (Kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày / /2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
 (Dùng cho cơ quan Kiểm sát)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XỬ LÝ TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG

Quý..... (6 tháng, 9 tháng, năm)
 (Kèm theo Báo cáo số /BC... ngày / / của...)

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

TT	NỘI DUNG THÔNG TIN	ĐƠN VỊ TÍNH	TỘI DANH/ĐIỀU LUẬT CỦA BLHS					Giả mạo trong công tác
			Tham ô tài sản (Điều 278)	Nhận hối lộ (Điều 279)	Lạm dụng chức vụ ... chiếm đoạt (Điều 280)	Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành ... (Điều 281)	Lạm dụng chức vụ trong khi thi hành ... (Điều 282)	
I. KHỎI TỐ ĐIỀU TRA								
1.	Số vụ	Vụ						
	Số bị can	Bị can						
II. TRUY TỐ								
1.	Số vụ	Vụ						
	Số bị can	Bị can						

III GIÁ TRỊ TÀI SẢN THAM NHỮNG, GÂY THIẾT HẠI DO THAM NHỮNG ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN KIỂM SÁT ĐỀ NGHỊ THU HỒI, TẠM GIỮ, PHONG TỎA

1.	Nhà	m ²							
2.	Đất	m ²							
3.	Tiền và tài sản khác quy đổi Thành tiền	Triệu đồng							

II. DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC XỬ LÝ TRONG KỲ

TT	TÊN VỤ	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ XÂY RA VỤ VIỆC	CƠ QUAN ĐANG THỤ LÝ HỒ SƠ VỤ VIỆC	TÓM TẮT VỀ HÀNH VI, ĐỐI TƯỢNG THAM NHỮNG, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI VÀ TIỀN ĐỘ XỬ LÝ
1.				
2.				
...				

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(*Ký tên, đóng dấu*)

Ghi chú: Nguyên tác xác định tội danh của vụ án tham nhũng trong trường hợp vụ án có nhiều bị can và có bị can phạm nhiều tội khác nhau như sau: Thống kê theo tội danh nghiêm trọng nhất hoặc tội danh có mức hình phạt cao nhất của bị can đầu vụ. Trường hợp bị can đầu vụ phạm nhiều tội có cùng mức độ nghiêm trọng, cùng mức hình phạt thì thống kê theo tội danh nhỏ nhất theo thứ tự trong BLHS.

Biểu số 4c
 (Kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày / /2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)
 (Dùng cho cơ quan Toà án)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT XỬ TỘI PHẠM VỀ THAM NHŨNG

Quý.... (6 tháng, 9 tháng, năm)
 (Kèm theo Báo cáo số /BC... ngày / / của ...)

TÊN CƠ QUAN

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

TT	NỘI DUNG THÔNG TIN	ĐƠN VỊ TÍNH	TỘI DANH/ĐIỀU LUẬT						Giả mạo trong công tác
			Tham ô tài sản (Điều 278)	Nhận hối lộ (Điều 279)	Lạm dụng chức vụ ... chiếm đoạt (Điều 280)	Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành ... (Điều 281)	Lạm dụng chức vụ trong khi thi hành ... (Điều 282)	Lạm dụng chức vụ gây ảnh hưởng ... (Điều 283)	
I AN PHẢI GIẢI QUYẾT									
1	Vụ cũ còn lại	Vụ							
	Số bị cáo	Bị cáo							
2	Vụ mới thụ lý	Vụ							
	Số bị cáo	Bị cáo							
II PHÂN TÍCH AN PHẢI GIẢI QUYẾT									
1	Chuyển hồ sơ	Vụ							
	Số bị cáo	Bị cáo							
2	Đình chỉ	Vụ							

	Số bị cáo	Bị cáo						
3	Trả hồ sơ cho VKS	Vụ						
	Số bị cáo	Bị cáo						
4	Đã xét xử	Vụ						
	Bị cáo	Bị cáo						
5	Số vụ án điểm hoặc xử lưu động	Vụ						
6	Số vụ án xử theo thủ tục rút gọn	Vụ						
7	Số vụ có người bảo chữa, bảo vệ quyền, lợi ích cho đương sự	Vụ						
III ÁN CÒN LẠI								
1	Số vụ án còn lại	Vụ						
	Số bị cáo	Bị cáo						
2	Số vụ tạm đình chỉ	Vụ						
	Số bị cáo	Bị cáo						
3	Số vụ đề quá hạn	Vụ						
IV PHÂN TÍCH SỐ BỊ CÁO ĐÃ XÉT XỬ								
1	Không có tội	Người						
2	Miễn TNHS hoặc miễn hình phạt	Người						
3	Đưa vào trường giáo dưỡng hoặc giáo dục tại địa phương	Người						
4	Trục xuất	Bị cáo						
5	Cảnh cáo	Bị cáo						
6	Phạt tiền	Bị cáo						
7	Cải tạo không giam giữ	Bị cáo						

8	Cho hưởng án treo	Bị cáo							
9	Tù từ 3 năm trở xuống	Bị cáo							
10	Tù từ 3 năm đến dưới 7 năm	Bị cáo							
11	Tù từ 7 năm đến dưới 15 năm	Bị cáo							
12	Tù từ 15 năm đến 20 năm	Bị cáo							
13	Tù chung thân	Bị cáo							
14	Tử hình	Bị cáo							
15	Tổng hợp hình phạt từ trên 20 đến 30 năm	Bị cáo							
16	Cán bộ công chức	Người							
17	Đảng viên	Người							
18	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm	Người							
19	Dân tộc thiểu số	Người							
20	Nữ	Người							
21	Người nước ngoài	Người							
V ÁP DỤNG HÌNH PHẠT BỎ SUNG									
1	Tịch thu tài sản	Bị cáo							
2	Phạt tiền	Bị cáo							
3	Trục xuất	Bị cáo							
4	Các hình phạt bổ sung khác	Bị cáo							
VI GIÁ TRỊ TÀI SẢN BỊ TUYÊN TỊCH THU HOẶC TRẢ LẠI CHỦ SỞ HỮU									
1	Nhà	m ²							
2	Đất	m ²							

3	Tiền và tài sản khác quy đổi thành tiền	Triệu đồng						
VII XÉT XỬ PHÚC THẨM								
1	Số vụ đã xét xử	Vụ						
2	Số bị cáo	Bị cáo						
3	Số bị cáo bị tăng nặng hình phạt	Bị cáo						
4	Số bị cáo được giảm nhẹ hình phạt	Bị cáo						

II. DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC XÉT XỬ TRONG KỲ

TT	TÊN VỤ	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ XÂY RA VỤ VIỆC	CƠ QUAN ĐANG THỦ LÝ HỒ SƠ VỤ VIỆC	TÓM TẮT VỀ HÀNH VI, ĐỐI TƯỢNG THAM NHỮNG, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI VÀ TIỀN ĐỘ XỬ LÝ
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				
...				

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Các mục từ I đến VI là xét xử sơ thẩm.

- Nguyên tắc xác định tội danh của vụ án tham những trong trường hợp có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau về tham những được xác định theo tội danh nghiêm trọng nhất của bị cáo đầu vụ. Trường hợp bị cáo đầu vụ phạm nhiều tội về tham những và các tội này có cùng mức độ nghiêm trọng thì thống kê theo tội danh có số thứ tự nhỏ nhất trong Bộ luật Hình sự. Nếu vụ án có nhiều bị cáo, trong đó có bị cáo phạm tội về tham những, có bị cáo phạm các tội khác không phải là tham những thì chỉ thống kê các bị cáo phạm các tội về tham những và việc xác định tội danh trong trường hợp này được áp dụng theo nguyên tắc nêu trên.

